|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH SƠN LA** Số: /BC-UBND **DỰ THẢO** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Sơn La, ngày tháng năm 2023* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

**Hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

##### 

##### Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La

##### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

##### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong những năm qua, chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển dịch rõ rệt, dần khẳng định là hướng đi hiệu quả, góp phần tạo công ăn việc làm, thu nhập, đảm bảo sinh kế, mang lại giá trị kinh tế cao cho nhiều hộ dân. Bước đầu đã hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, các trang trại, gia trại quy mô lớn. Nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới đã được áp dụng trong công tác chọn giống, lai tạo giống, chăm sóc, nuôi dưỡng nâng cao năng suất, chất lượng đàn đại gia súc của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả và gia tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: Địa bàn triển khai rộng, địa hình đồi núi phức tạp, giao thông đi lại khó khăn; tình hình thời tiết, khí hậu các năm gần đây có nhiều diễn biến phức tạp rét đậm, rét hại kéo dài, tập quán chăn nuôi thả rông không có chuồng trại đã làm chết nhiều gia súc; khả năng nhân rộng các chương trình, dự án chăn nuôi đại gia súc còn nhiều hạn chế do thói quen sản xuất chăn nuôi theo tập quán cũ và có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học mới vào chăn nuôi; một số hộ chăn nuôi đại gia súc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa tự giác đầu tư thâm canh chăn nuôi đại gia súc; đa số các hộ chăn nuôi kinh tế còn gặp nhiều khó khăn; chăn nuôi chủ yếu với quy mô nhỏ, phân tán mang tính tận dụng, chưa tương xúng với tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, thổ nhưỡng, chưa mang lại hiệu quả bền vững; số lượng trang trại chăn nuôi đại gia súc chưa nhiều; việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế, chủ yếu mới ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc; sản phẩm sản xuất ra chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường, tiêu thụ có thời điếm còn gặp khó khăn; phần lớn các chủ trang trại chăn nuôi đại gia súc chưa qua trường lớp đào tạo cơ bản, việc tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.

Từ thực tiễn trên việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

**2. Mục tiêu xây dựng Chính sách**

2.1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn phát triển bền vững, tạo sự dịch chuyển mang tính bền vững từ phương thức chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ, chăn thả gia súc tự do, sang phương thức chăn nuôi gia súc tập trung có quy mô, chăn nuôi có chuồng trại, gắn với công  tác  phòng, chống dịch bệnh.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào phát triển chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn các xã vùng III nhằm cụ thể hóa Kết luận của Tỉnh ủy tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng giống, tỷ lệ bò lai hướng thịt đạt 10-15 %;

- Đào tạo, tập huấn nâng cao đội ngũ dẫn tinh viên đạt 40 người;

- Số liều tinh hỗ trợ đạt 9.000 liều

- Số trâu bò được phối giống có chửa 4.500 con

- Diện tích trồng cây thức ăn cho đại gia súc đạt 800 ha.

- Xây dựng 11 vùng an toàn dịch bệnh.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về Thông qua Đề án phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025, có giải pháp nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025, trọng tâm là các chính sách hỗ trợ về: (1) Mua đực giống, cái giống vật nuôi, phối giống nhân tạo; (2) phát triển hình thức liên kết giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp với các hộ dân, để cải thiện giống bò cái nền tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; (3) Xây dựng vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gồm: cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giống cây trồng làm thức ăn chăn nuôi gồm: ngô lấy hạt, ngô sinh khối, sắn, cỏ, cao lương...; (4) Nâng cấp đường giao thông, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thông cấp thoát nước, hoặc trang thiết bị phục vụ chăn nuôi; (5) Xử lý chất thải trong chăn nuôi; (6) Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; (7) Nâng cao năng lực hệ thống thú y, khuyến nông cơ sở đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ phát triển chăn nuôi; (8) Chính sách hỗ trợ tín dụng.

Qua rà soát các chương trình, chính sách hiện đang triển khai trên địa bàn có nhiều nội dung đã có cơ chế, định mức hỗ trợ như:

(1) Mua đực giống, cái giống vật nuôi: Hiện nay đàn trâu bò giống tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn có số lượng tương đối lớn (trên 300.000 con) cơ bản đáp ứng được nhu cầu chăn nuôi, với chính sách này chỉ cần tập trung vào công tác phối giống nhân tạo để tăng tỷ lệ đàn bò lai theo mục tiêu đề án. Bên cạnh đó việc mua giống có thể thực hiện theo tiểu dự án 1- Dự án 9 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Quyết địnhsố [1719/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/quyet-dinh-1719-qd-ttg-2021-chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dan-toc-thieu-so-491217.aspx) ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Định mức hỗ trợ theo Nghị quyết 134/2020/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(2) Phát triển hình thức liên kết giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp với các hộ dân, để cải thiện giống bò cái nền tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; (4) Nâng cấp đường giao thông, điện hạ thế, hệ thống xử lý chât thải, hệ thông cấp thoát nước, hoặc trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, (5) Xử lý chất thải trong chăn nuôi; (6) Xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; (8) Chính sách hỗ trợ tín dụng: Thực hiện theo Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Trên cơ sở nguồn kinh phí dự kiến để thực hiện chính sách khoảng 15 tỷ *(theo văn bản số 4492/STC-QLNS)* không đủ để triển khai được hết các chính sách hỗ trợ, để góp phần hoàn thành các mục tiêu mà Đề án phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025, tại Nghị quyết này chỉ tập trung vào một số chính sách chưa có định mức, cơ chế hỗ trợ, cụ thể:

**1. Chính sách 1:** **Hỗ trợ phối giống nhân tạo**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay tỉnh chưa ban hành chính sách riêng hỗ trợ công tác phối giống nhân tạo cho trâu, bò sinh sản. Tuy nhiên, Tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ thụ tinh phối giống nhân tạo cho trâu, bò, lợn theo chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ *(Hiện nay đã hết hiệu lực)*. Qua quá trình thực hiện chính sách gặp phải rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với công tác phối giống nhân tạo trâu, bò, bởi các nguyên nhân sau: (1) Địa bàn tỉnh chưa có cơ sở nào khai thác, kinh doanh mặt hàng tinh nhân tạo trâu, bò; (2) chưa có đơn vị nào được chỉ định làm trạm trung chuyển, bảo quản, lưu trữ *(trạm truyền tinh)*, chuyển giao; (3) Đàn cái nền trâu, bò đủ tiêu chuẩn để phối giống nhân tạo không nhiều *(hầu hết loại tinh nhân tạo đều là tinh của các giống bò cao sản, đòi hỏi đàn cái nền phải có tầm vóc, khối lượng đáp ứng được tiêu chuẩn mới đủ tiêu chuẩn phối giống)*, (4) đội ngũ dẫn tinh viên có tay nghề ít, hạn chế trong thực hành; (5) Chăn nuôi quảng canh, ít kiểm soát, quy mô chăn nuôi nhỏ, việc phát hiện trâu, bò không kịp thời; (6) địa bàn giao thông đi lại khó khăn, thủ thuật phối giống nhân tạo phức tạp cần được đào tạo bài bản trong khi chưa thực hiện được nội dung đào tạo, tập huấn cho dẫn tinh viên; (7) Việc triển khai chương trình truyền giống nhân tạo bò không có chính sách hỗ trợ công phối giống, nên chưa khuyến khích được các dẫn tinh viên tham gia chương trình, lý do giá cả xăng xe thường xuyên biến động, giao thông đi lại khó khăn, vất vả... Dẫn đến việc thụ tinh phối giống nhân tạo cho trâu, bò gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn vừa qua.

Ngoài ra việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ chung của Trung ương trong thực tế gặp nhiều khó khăn khó thực hiện như: Hỗ trợ chưa đồng bộ trong chuỗi chăn nuôi trâu, bò sinh sản, chỉ hỗ trợ thụ tinh nhân tạo, yêu cầu đối ứng 30% chi phí thực hiện,... Do đó việc xây dựng chính sách hỗ trợ phối giống nhân tạo cho trâu, bò mang tính đặc thù riêng của tỉnh kết hợp hỗ trợ đồng bộ các nội dung từ liều tinh, công kỹ thuật, chỉ định các đơn vị chuyển giao, cung cấp trang thiết bị vật phối giống,... sẽ phù hợp hơn với thực tế sản xuất của tỉnh, góp phần thúc đẩy sản xuất chăn nuôi đại gia súc phát triển.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho công tác phối giống nhân tạo cho trâu, bò; nhằm khuyến khích, tạo điều kiện các hộ chăn nuôi tiếp cận nguồn giống chất lượng cao, cải thiện tầm vóc khối lượng đàn trâu, bò địa phương, nâng cao vai trò trách nhiệm của dẫn tinh viên trong công tác phối giống nhân tạo.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Các tổ chức, hộ chăn nuôi thực hiện chăn nuôi trâu, bò cái nền đạt tiêu chuẩn được hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản). Mức hỗ trợ không quá 02 *(hai)* liều tinh/ trâu, bò/năm; không quá 02 (hai) lít Nitơ lỏng/trâu, bò có chửa; 02 (hai) găng tay và 02 (hai) dẫn tinh quản/lần phối giống có chửa.

- Hỗ trợ công phối giống cho Dẫn tinh viên với định mức 250.000 *(Hai trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng/trâu, bò cái nền có chửa.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Chính sách được bàn hành giúp các cơ sở chăn nuôi tại các xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn tiếp cận được các dịch vụ chất lượng tốt phục vụ công tác phối giống nhân tạo cho trâu, bò sinh sản tại địa bàn tỉnh, mặt khác, giúp các cơ sở chăn nuôi tiếp cận được nguồn gen của các giống trâu, bò cao sản, tạo ra được thế hệ con lai có tầm vóc, thể trạng, sinh trưởng và phát triển tốt góp phần từng bước cải tạo được đàn giống địa phương có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, có năng suất, sản lượng và nâng cao được hiệu quả trong chăn nuôi; góp phần thay đổi được ý thức của người dân trong công tác cải tạo giống, thông qua công tác phối giống nhân tạo góp phần nâng cao được tay nghề của đội ngũ dẫn tinh viên trên địa bàn tỉnh.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp: Hỗ trợ phát triển phối giống nhân tạo cho trâu, bò *(Quy định mức hỗ trợ vật tư tối đa cho một trâu bò cái được phối giống có chửa, công phối giống, mức hỗ trợ dụng cụ vật tư ban đầu cho 01 huyện thực hiện)*.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách quy định mức hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng, định mức; quy trình, kỹ thuật; cơ chế tài chính thực hiện chính sách đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

**Chính sách 2:** **Hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong giai đoạn 2002-2015 từ nguồn ngân sách tỉnh đã đào tạo được 49 dẫn tinh viên để thực hiện chương trình cải tạo đàn bò, từ năm 2016 đến nay không đào tạo thêm dẫn tinh viên, hiện nay theo báo cáo của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp các huyện có khoảng 17 dẫn tinh viên còn hoạt động. Tuy nhiên, phân bố không đều, nhiều địa bàn không có dẫn tinh viên, bên cạnh đó việc đào tạo dẫn tinh viên tốn nhiều thời gian, kinh phí vì vậy để khuyến khích người lao động đi đào tạo có chứng chỉ và tay nghề thực hiện thụ tinh nhân tạo trâu, bò cần được sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ kinh phí đào tạo dẫn tinh viên để triển khai công tác phối giống nhân tạo trâu, bò trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nhân viên khuyến nông, thú y cơ sở, người chăn nuôi có bằng trung cấp thú y, chăn nuôi thú y trở lên có nhu cầu làm công tác phối giống nhân tạo trâu, bò được hỗ trợ đào tạo dẫn tinh viên với định mức 10.000.000 đồng/dẫn tinh viên.

Các tổ chức, hộ chăn nuôi thực hiện chăn nuôi trâu, bò được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi đại gia súc, chế biến các phụ phẩm nông nghiệp sẵn có tại địa phương theo các chương trình khuyến nông, Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và thông qua các chuyên mục của các đơn vị thông tin, truyên thông của tỉnh.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Chính sách khuyến khích các cá nhân tham gia đào tạo để trở thành dẫn tinh viên, nâng cao được tay nghề của đội ngũ dẫn tinh viên hiện có trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai có hiệu quả chương trình cải tạo đàn bò, nâng cao tỷ lệ đàn bò lai, đáp ứng sản phẩm chăn nuôi đại gia súc trên địa bàn tỉnh, hướng tới xuất khẩu.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp: Hỗ trợ kinh phí đào tạo dẫn tinh viên.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách quy định mức hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn về chỉ tiêu, điều kiện; cơ chế tài chính thực hiện chính sách đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

**Chính sách 3:** **Hỗ trợ trồng cỏ**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Trên địa bàn tỉnh Sơn Ladiện tích cỏ chăn nuôi năm 2021 đạt 10.242 ha, sản lượng 2 triệu tấn, so với tổng đàn trâu, bò khoảng 490.000 con nhu cầu cần khoảng 5 triệu tấn (đàn đại gia súc tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn khoảng trên 300.000 con, nhu cầu thức ăn thô xanh cần trên 3,2 triệu tấn/năm tương ứng với khoảng 16.000 ha trồng cỏ). Hiện nay, diện tích trồng cỏ và cây thức ăn phục vụ chăn nuôi trâu, bò đang rất thiếu, hầu hết chưa chủ động được nguồn thức ăn, đặc biệt là vào mùa khô và mùa Đông, nguồn thức ăn chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên, sản phẩm phụ từ ngành trồng trọt... chưa đủ cung cấp thức ăn cho việc nuôi nhốt, thâm canh, mở rộng sản xuất chăn nuôi trâu, bò. Bên cạnh đó việc trồng cỏ chủ yếu là giống cỏ voi, cỏ VA06 chất lượng cỏ thấp, cỏ chủ yếu trồng tận dụng không chăm sóc nên năng suất thấp.

Trước những yêu cầu thực tế sản xuất công tác phát triển chăn nuôi trâu, bò tại các xã vùng III và bản khó khăn cần hỗ trợ tăng diện tích trồng cỏ, bổ sung thêm giống cỏ mới để tăng năng suất, chất lượng thức ăn đáp ứng nhu cần phát triển đàn đại gia súc.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc xây dựng chính sách hỗ trợ trồng cỏ và cây thức ăn phục vụ chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh là chính sách đặc thù của tỉnh nhằm hỗ trợ một phần chi phí trồng cỏ và cây thức ăn tạo điều kiện cho các cơ sở chăn nuôi chủ động được nguồn thức ăn, giải quyết được tình trạng thiếu thức ăn tạo tiền đề thúc đẩy chăn nuôi trâu bò phát triển, gia tăng được quy mô, năng suất, sản lượng. Bên cạnh đó từ nguồn cỏ giống mới được hỗ trợ người chăn nuôi có thể nhân giống, mở rộng diện tích trồng cỏ trong những năm tiếp theo.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chuyển đổi đất trồng cây ngắn ngày, vườn tạp không hiệu quả sang trồng cỏ và cây thức ăn phù hợp với điều kiện của từng địa phương làm thức ăn chăn nuôi được hỗ trợ 12 triệu đồng/01ha để mua cỏ giống trồng năm đầu và chỉ được hỗ trợ tiền mua cỏ giống khi diện tích trồng cỏ tập trung đạt tối thiểu là 0,02 ha (200m2).

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Chính sách hỗ trợ trồng cỏ và cây thức ăn phục vụ chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tạo được sự đồng nhất trong việc tổ chức triển khai hỗ trợ trên địa bàn toàn tỉnh, không sảy ra sự so bì, thắc mắc, khiếu nại,.. hình thành được các vùng trồng nguyên liệu thức ăn phục vụ chăn nuôi trâu, bò; giúp chủ động được nguồn thức ăn thô, xanh giải quyết được tình trạng thiếu thức ăn trong mùa khô, hạn chế được tình trạng thả rông trâu, bò; hình thành khu chăn nuôi tập trung; giảm thiểu phát sinh lây lan dịch bệnh. Các cơ sở chăn nuôi có điều kiện để đầu tư trồng cỏ và cây thức ăn phục vụ chăn nuôi trâu, bò, mở rộng được quy mô sản xuất, giải quyết được tình trạng thiếu thức ăn,.. góp phần nâng cao được hiệu quả trong chăn nuôi trâu, bò.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp: Quy định mức hỗ trợ để mua cỏ giống trồng năm đầu cho 01 ha.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách quy định mức hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng, định mức; quy trình, kỹ thuật; cơ chế tài chính thực hiện chính sách đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

**Chính sách 4: Hỗ trợ xây dựng vùng an toàn dịch bệnh (ATDB)**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Thời điểm hiện tại, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát, nhưng do thời tiết diễn biến bất thường và chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn chiếm số lượng lớn nên nguy cơ bùng phát vẫn rất cao. Thúc đẩy việc xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh có ý nghĩa rất lớn, không chỉ kiểm soát dịch bệnh mà còn tạo ra sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

**Kiểm soát dịch bệnh, tạo ra sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.**

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ giám sát, đánh giá và cấp giấy chứng nhận vùng ATDB. Hỗ trợ chi phí lấy mẫu giám sát định kỳ (lẫy mẫu ít nhất 2 lần/năm trước khi đăng ký xây dựng cơ sở ATDB; hỗ trợ phí thẩm định vùng ATDB; hỗ trợ chi phí lấy mẫu, xét nghiệm mẫu để duy trì điều kiện vùng ATDB 1 lần/năm) để tổ chức đánh giá, xét nghiệm mẫu; mức hỗ trợ xây dựng 01 xã ATDB 117,5 triệu đồng ( phí thẩm định vùng ATDB: 3,5 triệu đồng, xét nghiệm mẫu 114 triệu đồng.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Vùng ATDB được công nhận sẽ thuận lợi trong công tác kiểm dịch vận chuyển khi xuất bán, được ưu tiên trong việc lựa chọn cung cấp con giống, động vật và sản phẩm động vật. Được phép vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng dịch, đây là lợi thế rất lớn khi mà diễn biến dịch bệnh động vật hiện nay đang phức tạp. Được xem xét cấp chứng nhận đạt quy phạm thực hành chăn nuôi tốt Việt Nam (VietGAHP), được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh còn giảm nguy cơ bị nhiễm bệnh của trại (với tất cả các bệnh), cải tiến và nâng cao việc quản lý trang trại; cung cấp thực phẩm an toàn cho thị trường, nhất là đối với các chuỗi liên kết từ chăn nuôi, giết mổ đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm, góp phần tích cực xây dựng và củng cố thương hiệu.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp: Quy định mức hỗ trợ để xây dựng và duy trì vùng an toàn dịch bệnh.

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách quy định mức hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng, định mức; quy trình, kỹ thuật; cơ chế tài chính thực hiện chính sách đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

**Chính sách 5:** Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Hiện nay rất ít các hộ chăn nuôi chú trọng đến kỹ thuật trồng và thâm canh cỏ dẫn đến nhiều giống cỏ mới được đưa vào chưa đạt được năng suất và chất lượng đúng với yêu cầu. Bên cạnh đó, việc chế biến và dự trữ thức ăn chưa được quan tâm, nhiều người chăn nuôi chưa nắm được kỹ thuật trồng và chế biến vì vậy việc hướng dẫn trực tiếp triển khai tại đồng cỏ những nội dung này là cần thiết.

- Tại xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn hình thức chăn thả vẫn phổ biến vì vậy việc quản lý phối giống gặp nhiều khó khăn, việc cải tạo đàn bò không thể thực hiện do đàn bò đực cóc sẽ phối giống những con bò cái động dục, vì vậy việc thiến những con bò đực không đủ tiêu chuần phải được tiến hành, tuy nhiên cần tạo được sự đồng thuận của chủ hộ vì việc thiến sẽ dẫn đến việc bán thịt giá trị sẽ giảm hơn.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ kinh phí nhằm khắc phục những tồn tại trong việc phát triển đồng cỏ, công tác phối giống và hỗ trợ thủ tục, hồ sơ hỗ trợ của các hộ chăn nuôi.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ 01 (một) lần đến 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho Dẫn tinh viên. Mức hỗ trợ không quá 05 (năm) triệu đồng/bình/Dẫn tinh viên.

- Hỗ trợ 02 bình đựng ni tơ 35lít, 06 súng bắn tinh/huyện.

- Hỗ trợ công tác hướng dẫn trồng, chế biến cỏ (hướng dẫn kỹ thuật, lập hồ sơ, theo dõi, nghiệm thu), mức hỗ trợ 300.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ thiến bò đực cóc, mức hỗ trợ 200.000 đồng/con.

- Hỗ trợ công tác nghiệm thu, lập hồ sơ về chuồng trại, phối giống nhân tạo, xử lý chất thải, lựa chọn bò cái nền để phối giống, mức hỗ trợ theo quy định về chế độ công tác phí.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp

Việc thực hiện chính sách giúp người chăn nuôi tạo được thói quen trồng và thâm canh cỏ, dự trữ, chế biến thức ăn cho trâu bò;

Thiến trâu bò đực cóc triệt để người chăn nuôi sẽ thấy rõ hơn những ưu điểm của đàn bê sinh ra từ phối giống nhân tạo;

Việc hỗ trợ thủ tục, hồ sơ hỗ trợ giúp người chăn nuôi dễ ràng tiếp cận với các chính sách, tạo ra sự thống nhất triển khai giữa các địa bàn trong tỉnh.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp: Quy định mức hỗ trợ cho từng nội dung;

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách quy định mức hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng, định mức; quy trình, kỹ thuật; cơ chế tài chính thực hiện chính sách đảm bảo minh bạch, kịp thời và hiệu quả.

**III DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết đã được HĐND tỉnh phê duyệt; UBND các huyện xây dựng chi tiết và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách huyện gửi Sở Tài chính thẩm định trình HĐND, UBND tỉnh phê duyệt.

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ khoảng: **14,596** tỷ đồng, trong đó:

Năm 2024: 7,537 tỷ đồng.

Năm 2025: 7,059 tỷ đồng.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

**1. Hình thức, phương pháp lấy ý kiến**

- Lấy ý kiến về dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh website: <http://sonla.gov.vn>; trang tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT website: <http://snnptntsonla.gov.vn> trong thời hạn 30 ngày để lấy ý kiến; lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố; xin ý kiến trực tiếp đối với các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách là hộ chăn nuôi.

**2. Các ý kiến tham gia:**

- Ý kiến : Có ….. ý kiến tham gia của các Sở, Ngành và UBND các huyện, thành phố, trong đó: …. ý kiến nhất trí, ….. ý kiến cơ bản nhất trí, đề nghị sửa đổi, bổ sung.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính và sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành liên quan.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; cơ sở chăn nuôi và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết: Hội đồng nhân dân tỉnh; các tổ chức chính trị xã hội; nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TT Tỉnh ủy (b/c);  - Như trên;  - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;  - Lưu VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |